TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 06- 7 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Huy và ông Nguyễn Lương Đức.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX - ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1992.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Bái X, xã Minh T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1997.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Bái X, xã Minh T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Anh với chị Bùi Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Minh T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn Bái X, xã Minh T. Quá trình chung sống, đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt gia đình, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Đỉnh điểm cuối năm 2019 chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn. Mặc dù nhiều lần anh gọi chị V về đoàn tụ chăm sóc con cái nhưng chị V đều bỏ mặc nên cả hai sống ly thân nhau đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng, thời gian ly thân đã lâu, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/02/2015 hiện đang ở cùng anh; ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết

Phía bị đơn chị Bùi Thị V:

Mặc dù đã nhiều lần được triệu tập đến Tòa làm việc cũng như triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng chị Vui đều vắng mặt nên không rõ quan điểm

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Minh T, huyện Phú Xuyên và làm việc với em trai của chị V là anh Bùi Văn Đ... qua xác minh, làm việc, xác định sau khi ly thân với anh Đ một thời gian, chị Vui ra ngoài làm ăn. Tại thời điểm giải quyết vụ án, chị V có Hộ khẩu thường trú tại thôn Bái X, xã Minh T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội và vẫn thường xuyên liên lạc, đi về nhà anh Đ.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh Đ và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho anh Nguyễn Thanh Đ được ly hôn chị Bùi Thị V; giao anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/02/2015 và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị V; về tài sản chung, công nợ chung không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn chị Bùi Thị V vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bái X, xã Minh T, huyện Phú Xuyên; quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tại UBND xã Minh T và làm việc với anh Bùi Văn Đ (là em trai chị V) cho thấy chị V ra ngoài làm ăn nhưng vẫn thường xuyên liên lạc, đi về gia đình anh Đ. Tòa án cũng nhiều lần triệu tập, giao các văn bản tố tụng cho chị V thông qua anh Đ, phía anh Đ khẳng định đã giao và thông báo lại cho chị V giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Bùi Thị V: Quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng chị V vẫn vắng mặt nên việc xét

xử vắng mặt chị V là đúng quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh Đ và chị Bùi Thị V là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 30 ngày 11/3/2014). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm kể từ tháng 8 năm 2019 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống, từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ cuối năm 2019 khiến cả hai tự sống ly thân, chấm dứt mối quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay. Về phía chị V đã được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải nhiều lần song đều không đến Tòa làm việc đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị V đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do thời gian mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn bởi từ hai phía đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa….Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của anh Đ về ly hôn chị V là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Đ ly hôn chị V.

Về con chung: Anh Đ, chị V có một con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/02/2015, hiện anh Đ đang nuôi dưỡng; do kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng anh Đ, mặt khác phía chị V không đến Tòa làm việc, không có quan điểm. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và tính ổn định trong sự phát triển của con chung, cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Đ về nuôi dưỡng con chung là hợp lẽ và ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án do chị V không đến Tòa làm việc nên chưa có đầy đủ căn cứ xác định được tài sản chung, công nợ chung của anh Đ, chị V; để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nên phần tài sản, công nợ chung cần tách ra chưa xét trong vụ án này và sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu có tranh chấp phát sinh.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn anh Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn anh Đ và bị đơn chị V có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh Đ được ly hôn chị Bùi Thị V.

2. Về con chung: Giao con chung của anh Nguyễn Thanh Đ và chị Bùi Thị V là Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/02/2015 cho anh Nguyễn Thanh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn cho chị Bùi Thị V việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thị V có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0048202 ngày 24/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Anh Nguyễn Thanh Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Anh Phương